

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/DS-PT  
Ngày: 16-03-2021  
V /v tranh chấp di sản thừa kế.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Thịnh

**Các Thẩm phán:** Bà Phan Thị Mai Dung  
Ông Phạm Văn Tâm

**Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2020/TLPT- DS, ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2020/DS-ST ngày 22-09-2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2020/QĐXX-PT ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1960, địa chỉ: Số M73/2 khu phố HH, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C:** Luật sư Kim Thị Mỹ H – Văn phòng Luật sư HH – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 195 Đường Nguyễn Văn R, khu phố 4, Phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P:** Luật sư Phạm Văn T – Văn phòng Luật sư Bảo Minh L – Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp LH, xã TT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 195 Đường Nguyễn Văn R, khu phố 4, Phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu vực 1, phường 4, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

4. Bà Huỳnh Thị Thu L, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 195 Đường Nguyễn Văn R, khu phố 4, Phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có mặt

5. Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 195 Đường Nguyễn Văn R, khu phố 4, Phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

6. Chị Nguyễn Huỳnh Trúc A, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 195 Đường Nguyễn Văn R, khu phố 4, Phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:*

Vợ chồng cụ Trần Thị M, sinh năm 1929, chết 1982 và cụ Nguyễn Thanh M1, sinh năm 1926, chết 1993 có 05 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Kim Y, Bà Nguyễn Thị Kim Th, Bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Thanh P, Bà Nguyễn Thị Kim C1. Cụ M, cụ M1 không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Lúc sinh thời Cụ M, cụ M1 có tạo lập được khối tài sản gồm 01 căn nhà cột gỗ, mái ngói diện tích 8m x 12m trên phần đất diện tích 26m x 100m tọa lạc tại số 195 Đường Nguyễn Văn R, khu phố 4, Phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh hiện nay. Cụ M, cụ M1 không để lại di chúc. Năm 1994, các chị em bà thống nhất chuyển nhượng 01 phần đất diện tích 8m x 100m để lo chi phí và hậu sự của cụ M1. Phần còn lại diện tích 18m x 100m, ông P quản lý và sử dụng tự đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các chị em bà nhiều lần yêu cầu chia thừa kế nhưng ông P không đồng ý. Nay ra Tòa, bà C yêu cầu chia thừa kế di sản của Cụ M, cụ M1 để lại là phần đất diện tích 18m x 100m, bà C nhận đất diện tích 3,6m x 100m. Tại phiên hòa giải bà C thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu ông P chia cho 04 chị em gái phần đất trống diện tích 8m x 100m để 04 chị em tự chia, không yêu cầu chia nhà.

*Bị đơn Ông Nguyễn Thanh P trình bày theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:*

Vợ chồng cụ Trần Thị M, sinh năm 1929, chết 1982 và cụ Nguyễn Thanh M1, sinh năm 1926, chết 1993 có 05 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Kim Y, Bà Nguyễn Thị Kim Th, Bà Nguyễn Thị Kim C, ông Nguyễn Thanh P, Bà Nguyễn Thị Kim C1. Cụ M, cụ M1 không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Lúc sinh thời Cụ M, cụ M1 có tạo lập được khối tài sản gồm 01 căn nhà cột

gỗ, mái ngói diện tích 8m x 12m trên phần đất diện tích 26m x 100m tọa lạc tại số 195 Đường Nguyễn Văn R, khu phố 4, Phường IV, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh hiện nay.

- Năm 1984, ông cưới vợ là Bà Huỳnh Thị Thu L cùng sinh sống trên căn nhà tại phần đất tranh chấp trên. Hiện trạng khi đó hàng rào kẽm gai, đường đất, có 01 căn nhà ngói vách ván do cụ M1 cất. Năm 1993, cụ M1 chết có để lại di ngôn. Sau khi cụ M1 mất, các anh chị em đều thống nhất bán 08m ngang để trang trải tiền thuốc và đám tang cụ M1. Năm 1994, ông P đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận lần đầu tại UBND xã HT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh không ai tranh chấp. Năm 2010, ông có sửa sang nhà, hàng rào, sân gạch. Năm 2011, vợ chồng ông mua 02 phần mộ ở Sơn Trang Tiên Cảnh thuộc huyện HT, tỉnh Tây Ninh để di dời hai cốt của cha mẹ chi phí 200.000.000 đồng. Năm 2014, vợ chồng ông P thay đổi thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông P, bà L và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV166850, sổ vào sổ CH0303 do UBND thành phố TN cấp ngày 06-11-2014. Khi đó các chị em đều biết. Gia đình ông P đã sống trên đất 34 năm không ai tranh chấp. Nay ông P không đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C, bà Y, bà Th, bà C1.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Kim Y, Nguyễn Thị Kim Th, Bà Nguyễn Thị Kim C1:* Thống nhất về mối quan hệ, nguồn gốc đất như bà C, ông P trình bày. Nay bà Y, bà Th, bà C1 bà C thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu ông P chia cho 04 chị em gái phần đất trống diện tích 8m x 100m để 04 chị em tự chia.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Huỳnh Thị Thu L trình bày:*

Năm 1984, bà kết hôn với ông P và vợ chồng cùng sinh sống tại phần đất trên. Hiện trạng đất bấy giờ có 01 căn nhà ngói, vách ván, phía sau là nhà tole, vách ván, nền đất, xung quanh có hàng rào kẽm gai, phía trước là đường xe bò gọi là lộ kiểm. Năm 1993, cụ M1 chết có để lại quyền di ngôn do các chị chồng giữ, sau đó giao lại cho chồng bà. Sau khi cụ M1 chết thì chị em chồng bà thống nhất bán 8m ngang đất để trang trải tiền thuốc và làm đám tang cho cụ M1. Năm 1994, ông P đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận lần đầu tại UBND xã HT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh không ai tranh chấp. Năm 2010, ông có sửa sang nhà, hàng rào, sân gạch. Năm 2011, vợ chồng bà mua 02 phần mộ ở Sơn Trang Tiên Cảnh thuộc huyện HT, tỉnh Tây Ninh để di dời hai cốt của cha mẹ chi phí 200.000.000 đồng. Năm 2014, vợ chồng bà thay đổi thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông P, bà L và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV166850, sổ vào sổ CH0303 do UBND thành phố TN cấp ngày 06-11-2014. Khi đó các chị em đều biết. Do đó bà xác định phần đất tranh chấp trên là tài sản chung của vợ chồng bà nên không đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C, bà Y, bà Th, bà C1.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Thanh Đ, chị Huỳnh Thị Trúc A trình bày:*

Tài sản đang tranh chấp là tài sản riêng của ông P, bà L lập nên, đã đăng ký quyền sử dụng đất đầu tiên tại UBND xã HT, huyện HT. Tại thời điểm trên thì bà Y, bà Th, bà C, bà C1 đều biết và thống nhất để ông P đăng ký mà không tranh chấp. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Th giữ sau nay mới trả lại cho ông P. Năm 2010, ông P, bà L có sửa sang nhà, hàng rào như hiện nay. Năm 2011, ông P, bà L mua ở phần 02 mộ ở Sơn Trang Tiên Cảnh thuộc huyện HT, tỉnh Tây Ninh để di dời hai cốt của cha, mẹ chi phí 200.000.000 đồng. Năm 2014, ông P, bà L thay đổi thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông P, bà L và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV166850, số vào sổ CH03034 do UBND thành phố TN cấp ngày 06-11-2014. Khi đó bà C vẫn còn ở chung gia đình và các chị em đều biết không ai tranh chấp. Do đó, anh chị xác định phần đất tranh chấp trên là tài sản riêng của ông P, bà L nên không đồng ý chia thừa kế.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh trình bày:* Ngày 30-9-2019, ông Nguyễn Thanh P, Bà Huỳnh Thị Thu L có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh – Phòng Giao dịch khu vực Hiệp Ninh số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-20198380, hạn trả cuối cùng ngày 30-9-2020. Hợp đồng tín dụng trên được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 426/2019/HĐTC ngày 30-9-2019, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 166850, số vào sổ CH03034, diện tích 2.151m<sup>2</sup>, thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 9 do UBND thị xã Tây Ninh (nay là thành phố TN) cấp ngày 06-11-2014. Ngày 28-8-2019, ông P đã trả 1.000.000.000 đồng (một tỷ), hiện còn dư nợ 500.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng còn trong hạn và ông P, bà L chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng không yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng đề nghị Tòa án xét xử vụ kiện trên theo quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi chính đáng của Ngân hàng. Trường hợp ông P, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện ở vụ kiện khác.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2020/DS-ST, ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN đã quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Kim Y, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Thị Kim C1 đối với ông Nguyễn Thanh P yêu cầu chia di sản thừa kế phần đất diện tích 2.151m<sup>2</sup>, thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại khu phố 4, phường IV, thành phố TN theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 166850, số vào sổ CH03034, do UBND thị xã TN (nay là thành

phố TN) cấp ngày 06-11-2014 cho ông Nguyễn Thanh P và Bà Huỳnh Thị Thu L đứng tên.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố TN thu hồi, điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự như quyết định trên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28-9-2020 Ông Nguyễn Thanh P kháng cáo không đồng ý chia di sản thừa kế cho các anh chị em.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; theo đó các đương sự thỏa thuận như sau: Ông P giao cho các chị em của ông 06 tỷ đồng là giá trị phần thừa kế các chị em của ông được hưởng theo pháp luật; thời hạn giao tiền không quá 05 tháng kể từ ngày thỏa thuận; vợ chồng ông P được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 2.151 m<sup>2</sup>, thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 9; tọa lạc tại khu phố 4, phường IV, thành phố TN. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà C, bà Y, bà Th mỗi người tự nguyện chịu thay ông P 15.000.000 đồng, phần còn lại ông P chịu; bà C1 chịu án phí trên phần tài sản được hưởng; chi phí đo đạc, định giá nguyên đơn chịu.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án; theo đó ông P đồng ý chia đất của cha mẹ để lại cho các chị em của ông bằng tiền là 06 tỷ đồng, các chị em của ông và 02 người con của ông giao cho vợ chồng ông được toàn quyền sử dụng nhà, đất; về án phí dân sự sơ thẩm: bà

C, bà Y, bà Th mỗi người tự nguyện chịu thay cho ông P 15.000.000 đồng, phần còn lại ông chịu, bà C1 chịu án phí trên phần tài sản của bà được chia.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận; sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: bà C, bà Y, bà Th là người được miễn án phí, nhưng tại phiên tòa các bà đồng ý chịu thay cho ông P một phần án phí mà ông P phải chịu nên ghi nhận; bà C1 không thuộc trường hợp được miễn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí đo đạc, định giá nguyên đơn tự nguyện chịu và đã đóng xong nên ghi nhận.

[2] Về án phí phúc thẩm dân sự: các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sửa bản án sơ thẩm; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Ông Nguyễn Thanh P và Bà Huỳnh Thị Thu L được quyền sử dụng phần đất có diện tích 2.151 m<sup>2</sup>, thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 9; tọa lạc tại khu phố 4, phường IV, thành phố TN; đất do ông P, bà L được UBND thành phố TN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06-11-2014 (số BV166850) và sở hữu toàn bộ công trình, cây trồng trên đất (ông P, bà L đang quản lý).

1.2. Ông Nguyễn Thanh P và Bà Huỳnh Thị Thu L có trách nhiệm giao trả cho Bà Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Kim Y, Nguyễn Thị Kim Th, Nguyễn Thị Kim C1 số tiền 6.000.000.000 (sáu tỷ) đồng; thời hạn giao tiền trước ngày 17-8-2021.

Hết thời hạn nêu trên và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1.3. Bà C, bà Y, bà Th, bà C1 tự nguyện chịu 22.600.000 đồng tiền chi phí đo đạc, định giá (ghi nhận đã nộp và chi xong).

1.4. Về án phí DSST: Ông P chịu 75.991.399 đồng; bà C1 chịu 57.000.000 đồng; bà C, bà Y, bà Th mỗi người chịu 15.000.000 đồng.



Ghi nhận bà C đã số tiền nộp tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0007260, ngày 09-7-2019; bà C1 đã nộp là 15.343.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng số 000004, ngày 18-5-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN được khấu trừ.

2. Án phí phúc thẩm dân sự: các đương sự không phải chịu; số tiền tạm ứng án phí kháng cáo ông P nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000545, ngày 28-9-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN được khấu trừ vào tiền án phí sơ thẩm mà ông P phải chịu.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thành phố TN;
- CCTHADS thành phố TN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đỗ Văn Thịnh**